

Ôn tập

Nguyên lý kế toán

Thu nhập là lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp không bao gồm lợi ích kinh tế tăng lên do nhận vốn góp của chủ sở hữu.

Doanh thu là một loại thu nhập của doanh nghiệp, thường phát sinh khi doanh nghiệp bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc các hoạt động tài chính.

doanh thu thuần = doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp DV - các khoản giảm trừ

Tth = T - các khoản giảm trừ

các khoản giảm trừ bao gồm: -thuế gián thu :GTGT theo pp trực tiếp, thuế TTDB. thuế XNK...

-giảm giá hàng bán

- hàng bán bị trả lại

-chiết khấu thương mại

...v...v...

cho mình hỏi: trong các phương pháp tính giá hàng xuất kho thì phương pháp nào đem lại lợi nhuận max, làm dn đóng thuế max. tại sao?

theo mình thì bạn phải xét 2 trường hợp. Trường hợp đối với thời kỳ giá cả tăng thì sử dụng phương pháp FIFO làm cho đơn giá đầu vào < so với đơn giá đầu vào nếu sử dụng phương pháp LIFO. Do đó, chi phí đầu vào của doanh nghiệp (theo phương pháp FIFO) nhỏ đi (so với phương pháp LIFO). Điều này làm cho lợi nhuận lớn hơn so với phương pháp LIFO.

Trường hợp còn lại bạn tự suy luận nhé!

Còn về phần đóng thuế thì ta có: thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần lợi nhuận của doanh nghiệp, nói như vậy thì bạn tự

có đáp án tính theo phương pháp nào thì DN phải đóng thuế max rùi nhé!

Quan hệ đối ứng ở đây chỉ đơn giản là : Khi có 1 nghiệp vụ phát sinh thì sẽ ghi Nợ tài khoản này, đồng thời ghi Có ở tài khoản khác. (ngoại trừ trường hợp ghi ở khoản mục tài sản ngoại bảng). và khi người ta cho 1 định khoản như trên thì nhiệm vụ là tìm ra nghiệp vụ nào có quan hệ để được Định khoản như thế thôi.

1. xuất kho NVL sử dụng cho sản xuất chung và quản lý doanh nghiệp.
2. Cuối kỳ tính lương cho nhân viên phân xưởng, nhân viên bán hàng và nhân viên quản lý.
3. xuất kho bán hàng thu tiền mặt. giá vốn hàng bán là : tk 632

Phần II:

1 quan hệ đối ứng bao gồm :

- tăng TS, giảm TS
- tăng NV, giảm NV
- tăng TS, tăng nguồn vốn
- Giảm tài sản, giảm nguồn vốn.

Các tài khoản đầu 6 là chi phí, được hạch toán giống như bên tài sản.

Khi phát sinh tăng ghi NỢ. Phát sinh giảm ghi Có.
tài khoản loại 6 không có số dư cuối kỳ.

Phần III.

Cuối kỳ kết chuyển

- các tài khoản 621 , 622, 627 được kết chuyển sang 154 để tính giá thành sản xuất. Tìm hiểu kỹ tại

<http://niceaccounting.com/HTTK/1/154.html>

- các tài khoản 641, 641.... được kết chuyển sang 911 để xác định

kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ. Chi tiết tại
<http://niceaccounting.com/HTTK/9/9.html>

các tk 621,622,627 là các tk chi phí sx chúng luôn làm tăng tài sản của đơn vị hay nói cách khác các tài khoản này thể hiện các khoản chi tiêu của đơn vị nên nó góp phần làm tăng tài sản khác mà không tạo doanh thu. vd: xuất kho nvl trực tiếp sản xuất ra sản phẩm => nó sẽ làm giảm nvl(ts giảm) nhưng góp phần làm tăng thành phẩm(ts tăng)

còn các tk 641,642,632 là các tk phản ánh chi phí của đơn vị, nó góp phần tạo ra doanh thu nên làm giảm vốn csh.

trả lời Đ, S, Chưa chắc chắn, giải thích:

1) 1 hợp đồng đã kí kết là sẽ nhận cung cấp dv quảng cáo trong tháng tới, tháng này ứng trước số tiền 20tr cho nhà cung cấp dv, kế toán ko hạch toán vào sổ kt tháng này.

2) nội dung kết cấu các tk hạch toán tại DN sx luôn ngược với nội dung kết cấu của các tk hạch toán tại ngân hàng tm

3) số dư bên nợ của TK phải trả ng bán được ghi số (-) bên nguồn vốn của bảng cân đối kế toán

4) số dư có của Tk phải thu KH được ghi số (-) bên tài sản của bảng cân đối kế toán

5) nghiệp vụ xuất kho hàng thành phẩm gửi bán thuộc loại đối ứng :tài sản tăng, tài sản giảm

ngoài ra cho mình hỏi khi định khoản thì khi nào dùng tài khoản 155 khi nào dùng tk 156?

có bt định khoản sau: ký HĐ vay ngân hàng 1 tỷ trong 2 tháng, lãi xuất vay 1% / tháng, lãi trả cùng gốc vào tháng sau. định khoản

1&2 mình chưa rõ câu hỏi

3, 4 sai

du nợ tk phải trả người bán phản ánh ts của đơn vị nên được ghi (+) bên ts

du có tk phải thu khách hàng phản ánh nguồn vốn của đơn vị nên được ghi (+) bên nguồn vốn

5. đúng

xuất kho thanh phẩm làm giảm ts(giảm thanh phẩm) đem gửi bán làm tăng hàng gửi bán của đơn vị(tăng ts)

dùng 155 khi xuất nhập kho thanh phẩm

dùng 156 khi xuất nhập kho hàng hóa(hàng hóa mua từ đơn vị khác về nhưng không phải là nvl hay công cụ dụng cụ đầu)

neu chi là bút toán điều chỉnh thì là:

t1:

no 635: 10tr

co 335: 10 tr

t2:

no 635: 10 tr

co 335: 10 tr

va

no 335: 20 tr

co 111(112): 20 tr

1. sai

bởi vì theo cơ sở dồn tích: các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới TS, NPT, VCSH, DT, CP phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh ko căn cứ vào thời điểm thu hay chi tiền.

vì khoản tiền 20tr ứng trước của khách hàng liên quan tới NPT và TS nên phải được ghi nhận sổ kế toán

bút toán ghi nhận Nợ TK phải thu khách hàng

Có TK TM

2.câu hỏi chưa rõ ràng lắm.phải cùng 1 tài khoản.VD tài khoản TGNH hạch toán tại doanh nghiệp có kết cấu ngược lại với tài khoản TGNH hạch toán tại NHTM

đúng

vì tk TGNH hạch toán tại doanh nghiệp là 1 tài sản của doanh nghiệp,còn tk TGNH hạch toán tại NHTM là 1 khoản NPT của ngân hàng

=> 2 kết cấu này trái ngược nhau

Còn về TK 155 và 156 thì:

- Khi nào đề bài nhắc đến nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thành phẩm thì ta ghi vào TK 155

- Khi nào đề bài nhắc đến nghiệp vụ kinh tế liên quan đến hàng hóa thì ta ghi vào TK 156

1. Sai: Nợ : 331 / có 111

2. Sai : chỉ 1 số tài khoản mới hạch toán ngược.

3. 4 sai: đã có bạn giải thích.

5 đúng :Nợ 157 / có 155

Dùng 155 khi doanh nghiệp bán mặt hàng mà mình sản xuất ra. dùng 156 khi doanh nghiệp thương mại đi mua hàng hóa về và bán.

thông thường thì đề bài cho rõ là 155 hay 156 (yên tâm)

6. tháng này : N 311 / có 112 : 1.2 tỷ

Khi trả gốc và lãi : N 311 : 1.2 tỷ / Nợ 635 : lãi suất / Có 112

theo tớ thì câu 2 là chưa chắc chắn. vì ví dụ như tk tiền mặt thì việc hạch toán ở cả doanh nghiệp và ở cả ngân hàng đều là tk phản ánh ts và có nội dung kết cấu giống nhau. con tk tiền gửi ngân hàng thì ở dn được hạch toán là tài sản còn tại ngân hàng thì đó lại là nợ phải trả và có kết cấu ngược nhau

còn ký HĐ vay ngân hàng 1tỷ trong 2 tháng, lãi xuất vay 1% / tháng, lãi trả cùng gốc vào tháng sau. định khoản

thanks trước nha

tháng 1: nợ tk111:1t

có tk 311: 1t

nợ tk 635: 10 tr

có tk 335:10tr

tháng 2: nợ tk 635: 10tr

có tk 335:10tr

trả nợ ngân hàng sẽ định khoản: nợ tk311: 1t

nợ 335: 20tr

có tk 111: 1.02t

1) 1 hợp đồng đã kí kết là sẽ nhận cung cấp dv quảng cáo trong tháng tới, tháng này ứng trước số tiền 20tr cho nhà cung cấp dv, kế toán ko hạch toán vào sổ kt tháng này.

Kế toán sẽ phải ghi nhận vào sổ kế toán tất cả các giao dịch và sự kiện mà các giao dịch sự kiện đó có ảnh hưởng tới tài sản, nguồn hình thành tài sản và sự vận động của tài sản trong doanh nghiệp --> phải ghi nhận giao dịch này

Câu trả lời của các bạn đa phần là cho câu hỏi sau: Doanh nghiệp đã ký một hợp đồng thuê doanh nghiệp khác quảng cáo cho mình vào tháng tới, trong tháng này doanh nghiệp đã ứng trước 20tr cho nhà cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp có ghi nhận số tiền này như chi phí của tháng này hay không?

2) nội dung kết cấu các tk hạch toán tại DN sx luôn ngược với nội dung kết cấu của các tk hạch toán tại ngân hàng tm

Ai mà ra cái câu hỏi này thì đúng là Stupid. Ai cũng biết là tài khoản của doanh nghiệp (dù là sản xuất hay ngân hàng) đều phải tuân thủ theo phương pháp tài khoản tức là có đủ tài khoản phản ánh tài sản (tăng Nợ, giảm Có), phản ánh Nguồn vốn (tăng Có,

giảm Nợ), doanh thu (tăng Có giảm Nợ), chi phí (tăng Nợ, giảm



Có) --> Làm sao mà luôn ngược nhau được 🤔

Câu hỏi thường được hỏi là: Kết cấu tài khoản Tiền gửi ngân hàng tại doanh nghiệp và tài khoản Tiền gửi khách hàng tại ngân hàng ngược nhau là đúng hay sai --> Đúng

hay Kết cấu tài khoản Vay ngân hàng tại doanh nghiệp và tài khoản Cho vay khách hàng tại ngân hàng là ngược nhau --> Đúng
 Kết cấu tài khoản Tiền gửi ngân hàng tại doanh nghiệp và tài khoản Tiền gửi ngân hàng nhà nước tại ngân hàng thương mại có kết cấu ngược nhau --> Sai 🤔

3) số dư bên nợ của TK phải trả ng bán được ghi số (-) bên nguồn vốn của bảng cân đối kế toán

Sai vì đây là tài khoản hỗn hợp, dư Có bên NV và dư Nợ ghi bên TS

4) số dư có của Tk phải thu KH được ghi số (-) bên tài sản của bảng cân đối kế toán
 tương tự câu trên

5) nghiệp vụ xuất kho hàng thành phẩm gửi bán thuộc loại đối ứng : tài sản tăng, tài sản giảm

Đúng vì thành phẩm chưa được tiêu thụ, chỉ chuyển từ dạng thành phẩm sang loại hàng gửi bán

Bai chuan

tại sao lại phải có nguyên tắc "hoạt động liên tục "

Nguyên tắc hoạt động liên tục là một trong những giả định để làm kế toán trên cơ sở dồn tích. Do kế toán theo cơ sở dồn tích ghi nhận doanh thu, chi phí tại thời điểm nó phát sinh mà không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi. Ví dụ doanh nghiệp có một khoản phải chi trong kỳ kế toán nhưng không được ghi nhận là chi phí do nó chưa thực sự phát sinh chi phí từ khoản chi đó (chẳng hạn trả trước tiền thuê nhà cho năm sau) mà sẽ được ghi nhận là tài sản (sẽ trở thành chi phí tại kỳ kế toán sau đó). Điều gì sẽ xảy ra nếu doanh nghiệp ngừng hoạt động tại kỳ tiếp theo?

Giả sử doanh nghiệp ngừng hoạt động vào giữa năm 2009 thì báo cáo tài chính vẫn phải lập cho năm 2008, năm 2008 kế toán vẫn tiến hành ghi chép các giao dịch diễn ra. Tuy nhiên, khi đánh giá các khoản doanh thu, chi phí, tài sản và nợ phải trả sẽ không dựa trên cơ sở dồn tích nữa.

1. Giá vốn hàng bán là giá gốc của số sản phẩm, hàng hoá được tiêu thụ trong kỳ hoặc lao vụ, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Đối với những sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc lao vụ dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp, đó chính là giá thành sản xuất của những sản phẩm đó, lao vụ dịch vụ đó (cách tính giá thành thế nào xem lại chương giá thành), đối với hàng hoá mua về là giá gốc của hàng hoá mua về (cách tính thế nào xem lại chương mua hàng)
2. Giá gốc hàng hoá mua ngoài, được tính bằng giá mua ghi trên hoá đơn + các khoản thuế không được khấu trừ (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng trong trường hợp không được khấu trừ hoặc tính thuế theo phương pháp trực tiếp) + các chi phí hợp lý và cần thiết trong quá trình mua hàng - các khoản chiết khấu, giảm giá nếu có.
3. Chiết khấu thương mại: Là khoản người bán giảm trừ cho người mua trong trường hợp người mua mua nhiều hàng hoá một lần mua (trường hợp này gọi là bớt giá, số giảm được trừ trực tiếp vào tiền cần phải thanh toán) hoặc người mua mua nhiều hàng trong một khoảng thời gian (trường hợp này gọi là hồi khấu, số giảm giá được trừ vào khoản tiền thanh toán trong lần mua cuối cùng). Chiết khấu thương mại được người bán hạch toán vào tài khoản 521, người mua trừ thẳng vào giá gốc của hàng mua.
4. Chiết khấu thanh toán: Là khoản người bán trừ cho người mua nếu người mua thanh toán trong thời hạn quy định. Ví dụ giảm 2% nếu trong vòng 7 ngày sau khi mua và phải thanh toán trong vòng 30 ngày (đây là một điều khoản thương mại, thường được ghi trong hợp đồng dưới ký hiệu 2/7, n/30). Do chiết khấu thanh toán thể hiện giá của quyền sử dụng vốn nên đối với người được hưởng chiết khấu, số tiền này không giảm trừ vào giá gốc hàng mua mà

được hạch toán như một khoản doanh thu từ hoạt động tài chính (TK 515), còn đối với người mua thì hạch toán như một chi phí của hoạt động tài chính (TK 635) chứ không phải là một khoản giảm trừ doanh thu.

1 Nếu đơn vị tính thuế VAT theo pp trực tiếp, khi mua hàng nhận đc **hoá đơn giá trị gia tăng** thì giá của hàng mua sẽ là:

- A. Giá k có thuế VAT
- B. Tổng giá thanh toán
- C. Giá vốn của ng bán
- D. k có đáp án nào đúng

2.1 Nếu đơn vị tính thuế VAT theo pp trực tiếp, khi mua hàng nhận đc **hoá đơn trực tiếp** thì giá của hàng mua sẽ là:

- A. Giá k có thuế VAT
- B. Tổng giá thanh toán
- C. Giá vốn của ng bán
- D. k có đáp án nào đúng

câu 1: D

Câu 2: B

nhận hóa đơn nào thì giá đều là giá đã có thuế do pp là trực tiếp.

còn câu 1 nhận được hóa đơn VAT là sai quy tắc thôi. Còn đáp án vẫn là B. vì nó hỏi giá của hàng mua mà

Ngày 1/1/2007, công ty Hoàng Lan mua kỳ phiếu do NH đầu tư phát hành, MG là 100tr đồng, lãi suất 0,7% / tháng, kỳ hạn 3 tháng, trả lãi sau. Xác định bút toán cần thực hiện **hàng tháng???**

Đây là loại điều chỉnh cộng dồn doanh thu đã phát sinh, chưa thanh toán

tháng 1: (31/1)

nợ tk 138: 700k

có tk 515: 700k

tháng 2 (28/2)

nợ tk 138: 700k

có tk 515: 700k

tháng 3(31/3)

nợ tk 111,112(tùy theo trả bằng gì) : 2100k

có tk 515: 700k

có tk 138: 1400k

Định khoản bài tập này :

Ngày 1/1/N. Khách hàng A đặt hàng qua mạng với DN X một lô hàng với giá 110 bằng chuyển khoản (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Ngày 5/1 Cty X xuất hàng trong kho (Giá vốn 70) gửi hàng cho khách hàng A.

Ngày 10/1 bên A thông báo đã nhận được hàng.

- 1/1/ N :

nếu khách hàng đã thanh toán tiền bằng chuyển khoản thì bạn hoạch toán

N 112 : 110

C 3388 : 110

còn nếu khách hàng chưa thanh toán tiền thì ngày 1/1/N chưa phải hoạch toán

- 5/1/N

khi xuất bán : + N 632 / C 156 : 70

-10/1/N

+N 338 :110

C 511 :100

C 33311: 10

Note : Doanh thu chỉ đc ghi nhận khi phát sinh chi phí

Xuất kho gửi bán khách hàng Q 1 lô hàng, theo hóa đơn GTGT:

- Giá bán hàng hóa chưa có thuế:280000

- Bao bì tính giá tiền chưa có thuế: 5600

- Thuế GTGT của hàng hóa và bao bì: 28560
- Tổng giá thanh toán: 314160
- Chi phí vận chuyển giá chưa thuế GTGT 10% 1500, đã ghi thẳng bằng tiền mặt (theo hợp đồng bên bán chịu) Biết giá vốn của lô hàng là 250000

mình sẽ sửa lại cái đề này làm cho dễ bạn nhé :

1/1 : xuất kho hàng gửi bán giá vốn là 250.000

N 157 : 250.000

C 156 :250.000

2/1 : Bán hàng

-N 632 :250.000

C 157 :250.000

-N 131 : 308.000

C 33311 : 28.000

C 511 :280.000 (HĐ GTGT bán hàng)

-N 641(6412) :5.600

N 133 : 560

C 331 :6.160 (nếu chưa thanh toán)

-N 641 (6417) 1.500

N 133 :150

C 111 : 1.650 (Nếu trả ngay bằng tiền mặt)

Theo mình đề bài này chỉ định khoản những nghiệp vụ tại DN xuất lô hàng đó gửi bán

-
1. kế toán không nhất thiết phải ghi định khoản kế toán trên chứng từ
 2. Tên và chữ kí của lập chứng từ bắt buộc phải ghi rõ trên chứng từ
 3. Nghiệp vụ đi ứng trước tiền hàng cho người bán thuộc loại đối ứng: Giảm tài sản, giảm nguồn vốn
 5. Nghiệp. nhận ứng trước tiền hàng của người mua thuộc loại đối ứng: tăng tài sản, tăng nguồn vốn

4. nghiệp vụ xuất kho thành phẩm gửi bán thuộc loại đối ứng: tăng ts. giảm ts6.

Theo mình thì:

1. Đúng.

Có 7 nội dung bắt buộc cần ghi trên chứng từ là : tên và số hiệu; Ngày tháng năm lập chứng từ; Tên địa chỉ của đơn vị (cá nhân) lập chứng từ; Tên, địa chỉ đơn vị nhận; Nội dung nghiệp vụ; Các đơn vị đo lường cần; Chữ ký họ tên của người lập, người duyệt và những người liên quan.

2. Đúng

3. Sai.

Ghi Nợ TK 331 (TK lưỡng tính, đối với từng khách hàng phải theo dõi riêng, dư nợ ghi bên tài sản).

Ghi Có TK 111 (hoặc 112)

Quan hệ đối ứng: Tăng tài sản, giảm tài sản.

5. Sai

Giải thích tương tự trên

Ghi Nợ 111

Ghi Có 131

4. Đúng

Ghi Nợ 157

Ghi Có 155

Tăng Tài sản, giảm Tài sản.

1. hàng gửi bán kỳ trước 200, kỳ này đem về nhập kho thành phẩm 50, phần còn lại đã được tiêu thụ với giá bán chưa VAT 10% là 250, khách hàng chưa thanh toán.

2. xuất kho thành phẩm với giá xuất kho 200, giá bán chưa VAT

10% là 300.kh đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng

vat khấu trừ,

1.

- 1a N:155 50

C: 157 60

- 1b N: 632 150

C: 157 150

- 1c N: 131 275

C: 511 250

C: 3331 25

2.

- 2a N: 632 200

C: 155 200

- 2b N: 112 330

C: 511 300

C: 3331 30

Tớ chỉnh lại tý ná : coi như 1 tháng đi dc 2000 km đi vậy là sau 9 tháng mới phải thanh toán tiền , nếu như để tất cả chi phí vào tháng 9 thì chi phí tháng 9 là quá lớn vì vậy bạn có thể hoạch toán hàng tháng vào TK chi phí phải trả bạn cũng ko nói rõ thuê cái xe này dùng vào việc gì mình giả sử thuê cái xe này để chở hàng hóa cho bộ phận bán hàng nhé !

- Tháng 1 :

N 641 : $2000 * 0.35$

C 335 : $2000 * 0.35$

hàng tháng trích trước như vậy

đến tháng 9 thanh toán tiền , giả sử thanh toán bằng tiền mặt

- 31/9 :

N 335 : $18000 * 0.35$

C 111:18.000*0.35
hì chúc bạn học tốt nhà

hì

- mình giả sử lun 1 tháng đi dc 2.000km đi nhà nghĩa là đến tháng 9 phải trả tiền.

-nếu để tất cả Chi phí vào tháng 9 thì quá lớn ảnh hưởng tới lợi nhuận của tháng 9 vì thế hàng tháng bạn phải phân bổ vào chi phí phải trả :

31/1/N : mình giả sử cái xe này dùng cho bộ phận bán hàng vận chuyển hàng hoá tiêu thụ nhé

N 641/ C 335 : 0.35*2000

tháng 2 -> 8 trưng tự :

31/8/N : khi thanh toán tiền :

N 335/ C 111 : 0.35*2000*9

-
1. Khách hàng trả nợ cho công ty số tiền là 15 triệu.
 2. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên là 20 triệu.
 3. Vay ngắn hạn để trả nợ dài hạn cho người bán 115 triệu.
 4. Dùng lợi nhuận chưa phân phối bổ sung nguồn vốn kinh doanh 100 triệu.
 5. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng 100 triệu đồng.
 6. Được cấp một tài sản cố định hữu hình trị giá 200 triệu đồng .

1. Nợ tk 111: 15tr. Có tk 131: 15tr 2. Nợ tk 141: 20tr. Có tk 111: 20tr 3. Nợ tk 311: 115tr. Có tk 341: 115tr 4. Nợ tk 421: 100tr. Có tk 411: 100tr 5. Nợ tk 211: 200tr. Có tk 411: 200tr.

phần III :bài tập

doanh nghiệp có các NV phát sinh như sau:

1.xuất kho NVL dùng cho sx sản phẩm 80000;bộ phận bán hàng 3000; bộ phận qlđn 4000

2.tiền lương phải trả cho bộ phận sx trực tiếp 12000;bộ phận bán

hàng 3000;bộ phận qlđn 5000

3.tính BHYT,BHXXH ,KPCD theo tỉ lệ quy định 19% tính vào chi phí doanh nghiệp

4.tiền điện nước phải trả theo giá chưa có thuế GTGT10% dùng cho:bộ phận sx 7000; bộ phận bán hàng 1000;bộ phận qlđn 2000

5.nhập kho thành phẩm sx hoàn thành,biết GTSP sx dở dang đầu kì=GTSP sx dở dang cuối kỳ

6.xuất kho thành phẩm đem bán với giá xuất kho 100000;giá bán đã bao gồm cả thuế GTGT10% là 143000,khách hàng chấp nhận thanh toán

Hãy định khoản và p/a .biết các TK đều có số dư đầu kỳ để hoạt động,tính thuế theo phương pháp khấu trừ

mình làm như thế này nhưng lập BCKT o đúng ,các ban giúp sửa sai cho mình với,cảm ơn các bạn nhiều!

1.xuất kho NVL

nợ TK621 _ 80000

nợ TK641 _ 3000

nợ TK 642 _ 4000

có TK152_ 87000

2.trả tiền lương

nợ TK622 _ 12000

nợ TK 641 _ 3000

nợ TK 642 _ 5000

có TK 334 _ 20000

3.tính BHYT,BHXXH,KPCD

nợ TK334 _ $20000 * 19\% = 3800$

có TK 338 _ 3800

4.tính tiền điện ,nước phải trả

nợ TK 627 _ 7000

nợ TK 641 _ 1000

nợ TK 642 _ 2000

nợ TK 133 _ 1000

có 331 _ 11000

5a.kết chuyển chi phí sx trực tiếp

nợ TK 154 _ 99000

có TK 621 _ 80000

có TK 622 _ 12000

có TK 627 _ 7000

5b.do gt cho GTSXSP dở dang đầu kỳ= cuối kỳ,nên GT thành phẩm hoàn thành=chi phí sx trực tiếp,do đó ta có:

nợ TK155 _ 99000

có TK 154 _ 99000

6a. giá vốn

nợ TK 632 _ 100000

có TK155 _ 100000

6b.doanh thu

nợ TK 111 _ 143000

có TK 511 _ 130000

có TK 3331 _ 13000

7.kết chuyển chi phí bán hàng,QLDN,giá vốn

nợ TK 911 _ 118000

có TK 632 _ 100000

có TK 641 _ 7000

có TK 642 _ 11000

8. kết chuyển doanh thu

nợ TK 511 _ 130000

có TK9111 _ 130000

9. kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối

nợ TK 911 _ 12000

có TK 421 _ 12000

3.tính BHYT,BHXH,KPCD

nợ TK622 _ 12000*19%

nợ TK 641 _ 3000*19%

nợ TK 642 _ 5000*19%

có TK 338 _ 3800

trong 1 kỳ kế toán, nếu doanh nghiệp làm ăn có lãi thì vốn chủ sở hữu của công ty tăng lên. Đúng hay sai. Giải thích
 Đáp án là Sai vì Vốn Chủ sở hữu(VCSH)=Vốn Góp Chủ sở hữu(VGCSH)+Lợi nhuận giữ lại. Doanh nghiệp làm ăn có lãi->Lợi nhuận ròng tăng(sau khi đã trừ thuế)->Lợi nhuận giữ lại tăng. Tuy nhiên, VGCSH có thể giảm(chủ sở hữu rút vốn), trường hợp lương rút ra lớn hơn lượng LN giữ lại trong kỳ KT thậm chí VCSH giảm-> nên không thể khẳng định VCSH tăng

Vào cuối tháng 3 cửa hàng xe máy có mua sơn dùng cho xe máy trả trong 60 ngày. lượng sơn được sử dụng trong 3 tuần đầu của tháng 4. số tiền phải trả được thanh toán vào cuối tháng 5. theo bạn thì chi phí mua sơn nên hạch toán vào tháng nào? dựa trên nguyên tắc kết toán nào? định khoản cho các tài khoản

mình nghĩ là định khoản trong tháng 4 dựa theo cơ sở dồn tích(chi phí được coi là phát sinh khi lợi ích kinh tế hoặc một nguồn lực được sử dụng, bị mất đi trong kì hiện tại, làm giảm vcsH)

định khoản:

N: chi phí sử dụng sơn

C:nợ phải trả

1. vào ngày 1/12 công ty nhận 1 khoản vay ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, lãi trả sau. Lãi tháng 12 phát sinh trên khoản vay là 12\$. hiện chưa có khoản chi phí nào được ghi nhận
2. Khấu hao tòa nhà làm việc của công ty được tính trong 30 năm. Tòa nhà xây dựng cách đây 5 năm nguyên giá 396\$
3. Trong tháng 12 công ty hoàn thành 1 số cv vs khách hàng thu đc 64\$. tuy nhiên chưa phát hành hóa đơn đòi tiền khách hàng
4. Ngày 1/3 công ty nộp 1 khoản phí bảo hiểm cho 12 tháng là 1,8\$. Toàn bộ chi phí được ghi nhận vào chi phí trả trước được phân bổ

dẫn vào chi phí quản lý doanh nghiệp

5. Ngày 1/7 công ty nhận ứng trc 14\$ từ công ty bánh kẹo để xây dựng chiến lược marketing trong 6 tháng cho họ. Toàn bộ số tiền đc hạch toán vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện. Ngày 31/12 3.5\$ giá trị dịch vụ được thực hiện cho khách hàng

bút toán 1: nợ chi phí - có tk 335 (12\$)

bút toán 2: nợ tk 642 - có tk 214 (13.2\$)

bút toán 3: nợ tk 131- có tk 511 (64\$)

bút toán 4: nợ tk 142 - có tk 111 (1.8\$)

nợ tk 642 - có tk 142 (chia tiền theo từng tháng hoặc cho đến cuối kì)

bút toán 5: nợ tk DTCTH - có tk DT cung cap dịch vụ (5\$)

công ty A mua nguyên liệu vật liệu trị giá 100(chưa thuế gtgt,thuế 10%) trong quá trình vận chuyển hàng bị hao hụt 5%.định mức hao hụt là 10%

chi phí vận chuyển là 10 (chưa thuế gtgt,thuế 10%),

a,tính giá trị thực tế nhập kho

b,tính giá trị thực tế nhập kho,giả sử trong quá trình vận chuyển hàng bị hao hụt 15%

thank nhiều

1, N: tk 156 200

N: tk 133 20

C: tk111: 220

2, N tk 141: 1800

C: tk 111: 1800

N:tk 156: 1000

N tk 133: 100

N tk 111 700

C tk141 1800

Nhận xét câu sau đúng hay sai giải thích

Tk phải thu khách hàng luôn có số dư bên nợ .

Tk 131(Phải thu khách hàng) và 331(Phải trả người bán) dc xem là tk hỗn hợp:

Nếu mình phải trả cho người bán thì Có 331

Nếu mình ứng trước tiền cho người bán Nợ 331

Nếu mình phải thu của khách hàng Nợ 131

Nếu mình thu tiền ứng trước của khách hàng Có 131

Riêng các TK 214 và TK lưỡng tính thì có số dư có thể bên C:

-TK 214 - Hao mòn TS cố định (dư C): điều chỉnh giảm TS

- TK Lưỡng tính: +) TK 131 - phải thu khách hàng

+) TK 331 - phải thu khách hàng

Dư bên N: p/a TS(khi ta ứng trc tiền hàng chẳng hạn...)

Dư bên C: p/a NV (khi ta nhận ứng trc tiền hàng...)

Anh (chị) hãy đánh dấu vào một trong hai lựa chọn Đúng hoặc Sai

1. Khoản tiền doanh nghiệp dùng để ký quỹ cho một nghĩa vụ với một pháp nhân khác được ghi nhận bên nguồn vốn trong Bảng cân đối kế toán.

Đúng / Sai

2. Tổng phát sinh Nợ của các tài khoản bằng tổng phát sinh Có của các tài khoản trên Bảng cân đối tài khoản

Đúng / Sai

3. Khi đơn vị bán hàng cho khách hàng và tiền hàng được trừ vào số mà đơn vị đã nhận trước của khách hàng thì giá bán của số hàng này được ghi vào bên Có của tài khoản “Thanh toán với người

mua”

Đúng / Sai

6. “Thuế tài nguyên” chưa nộp được xếp vào nhóm tài sản lưu động trong lưu thông của đơn vị

Đúng / Sai

8. Phương pháp cải chính số liệu có thể được áp dụng để khắc phục sai sót trong trường hợp ghi sai quan hệ đối ứng

Đúng / Sai

Anh chị hãy chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:

1. Vào ngày 31/12/N, tổng các khoản nợ phải trả của công ty PTL là 120 triệu đồng, tổng các khoản nợ phải thu là 150 triệu đồng.

Khi lập Báo cáo Tài chính, kế toán công ty cần:

a) Phản ánh khoản phải trả là 120 triệu đồng

b) Bù trừ hai khoản nợ và ghi trên báo cáo là: khoản phải thu 30 triệu đồng

c) Phản ánh nợ phải thu là 150 triệu đồng

d) b và c đều đúng

2. “ Phần mềm kế toán” doanh nghiệp đang sở hữu sẽ được trình bày trong báo cáo:

a) Bảng cân đối kế toán

b) Báo cáo Kết quả kinh doanh

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

d) Không phải các loại báo cáo trên

5. Khi rút tiền gửi ngân hàng (TGNH) về quỹ tiền mặt (TM) để chuẩn bị trả lương cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) thì

a) TGNH giảm – TM không đổi - Phải trả CBCNV giảm

b) TGNH giảm – TM tăng - Phải trả CBCNV không đổi) TGNH không đổi – TM giảm - Phải trả CBCNV giảm

d) Không câu nào đúng

Bài tập 1: Doanh nghiệp Nhật Quang đầu kỳ kinh doanh có các số liệu sau:

TÀI SẢN (2400) NGUỒN VỐN (2400)

TK1111

TK1121

TK133

TK156 400

740

40

120 TK311

TK338 200

30

TK211

TK214 1200

(100) TK411

TK421 2100

70

Trong kỳ kinh doanh có các nghiệp vụ kinh tế sau:

NV1: Mua ngoại tệ bằng tiền gửi ngân hàng số tiền: 45.000USD (tỷ giá mua ngoại tệ là 16.000 USD).

NV2: Ký quỹ ngân hàng mở LC số tiền là 42.000USD

NV3: Nhận được thông báo của ngân hàng đã trả tiền cho người bán và nhận về chứng từ. (Tỷ giá giao dịch là 16050). (Hàng mua đang đi đường / Trừ vào số tiền ký quỹ)

NV4: Chi phí vận tải hàng hoá quốc tế: 400USD trả bằng TGNH & Chi phí bảo hiểm hàng hoá quốc tế là: 100USD trả bằng TGNH. (tỷ giá giao dịch 16100)

NV5: Làm thủ tục nhận hàng: Tỷ giá giao dịch 16100

- Thuế Nhập khẩu phải nộp: 20% theo giá CIF trả ngay bằng tiền mặt

- Thuế GTGT phải nộp: 10% trả bằng tiền mặt

NV6: Lệ phí ngân hàng 500.000VNĐ trả bằng tiền mặt

NV7: Chi phí vận chuyển nội địa là 4tr + thuế GTGT 5% trả bằng

tiền mặt

NV8: Bán lô hàng nhập khẩu với giá vốn là 600tr, giá bán là 680tr.

Người mua chưa trả tiền.

NV9: CP trả lương cho bộ phận bán hàng là 8tr trả bằng tiền mặt + trích CP khấu hao bộ phận bán hàng là 1tr

NV10. CP trả lương cho bộ phận quản lý là 12tr trả bằng tiền mặt + trích chi phí khấu hao bộ phận quản lý là 4tr.

Yêu cầu:

+ Định khoản

+ Ghi chép vào TK chữ T

+ Kết chuyển, xác định kết quả kinh doanh

+ Lập bảng cân đối số phát sinh.

Bài làm:

NV1: Mua ngoại tệ bằng tiền gửi ngân hàng số tiền: 45.000USD (tỷ giá mua ngoại tệ là 16.000 USD).

Nợ TK1122: 45.000USD x 16.000 (TGGD) = 720tr

Có TK1121: 720tr

(Nợ TK007: 45.000USD)

NV2: Ký quỹ ngân hàng mở LC số tiền là 42.000USD

Nợ TK144: 672 tr

Có TK1122: 42.000USD x 16000= 672tr

(Có TK007: 42.000USD)

NV3: Nhận được thông báo của ngân hàng đã trả tiền cho người bán và nhận về chứng từ. (Tỷ giá giao dịch là 16050). (Hàng mua đang đi đường / Trừ vào số tiền ký quỹ)

Nợ TK151: 674,1tr

Có TK144: 672tr

Có TK515: 2,1tr

NV4: Chi phí vận tải hàng hoá quốc tế: 400USD trả bằng TGNH & Chi phí bảo hiểm hàng hoá quốc tế là: 100USD trả bằng TGNH. (tỷ giá giao dịch 16100)

Nợ TK1562: 500USD x 16100 = 8,05tr

Có TK1122: 500 x 16.000 = 8tr

Có TK515: 0,05tr

(Có TK007: 500USD)

NV5: Làm thủ tục nhận hàng: Tỷ giá giao dịch 16100

- Thuế Nhập khẩu phải nộp: 20% theo giá CIF trả ngay bằng tiền mặt

Giá trị chịu thuế NK là: $42.000 + 500 = 42.500$ (Giá Mua + CP vận chuyển + CP Bảo hiểm)

Thuế NK phải nộp = Giá trị chịu thuế NK x Thuế suất thuế NK = $42.500 \times 16.100 \times 20\% = 136,85\text{tr}$

Nợ TK151: 136,85tr

Có TK3333: 136,85tr

- Thuế GTGT phải nộp: 10% trả bằng tiền mặt

Giá trị chịu thuế GTGT = Giá mua + CP vận tải, bảo hiểm + Thuế NK =

$42.500 \times 16.100 + 136,85\text{tr} = 821,1 \text{ tr}$

Nợ TK133: 82,11tr

Có TK3331: 82,11tr

Nộp thuế bằng TM

Nợ TK3333: 136,85tr

Nợ TK3331: 82,11tr

Có TK1111: 218,96 tr

Hàng hoá nhập kho:

Nợ TK156: 810,95tr

Có TK151: 674,1tr + 136,85

NV6: Lệ phí ngân hàng 500.000VNĐ trả bằng tiền mặt

Nợ TK1562: 0,5tr

Có TK1111: 0,5tr

NV7: Chi phí vận chuyển nội địa là 4tr + thuế GTGT 5% trả bằng tiền mặt

Nợ TK1562: 4tr

Nợ TK133: 0,2tr

Có TK1111: 4,2tr

NV8: Bán lô hàng nhập khẩu với giá vốn là 600tr, giá bán là 680tr. Người mua chưa trả tiền.

Nợ TK131: 680tr

Có TK511: 680tr

Nợ TK632: 600tr

Có TK156: 600tr

NV9: CP trả lương cho bộ phận bán hàng là 8tr trả bằng tiền mặt + trích CP khấu hao bộ phận bán hàng là 1tr

Nợ TK6411:8tr

Có TK334: 8tr

Nợ TK334: 8tr

Có TK1111: 8tr

Nợ TK6414:1tr

Có TK214: 1tr

NV10. CP trả lương cho bộ phận quản lý là 12tr trả bằng tiền mặt + trích chi phí khấu hao bộ phận quản lý là 4tr.

Nợ TK6421:12tr

Có TK334: 12tr

Nợ TK334: 12tr

Có TK1111: 12tr

Nợ TK6424:4tr

Có TK214: 4tr

Tài khoản chữ T:

Nợ TK1111 Có Nợ TK112 Có Nợ TK133 Có
ĐK 400

CK 156,34

218,96 (5)

0,5 (6)

4,2 (7)

8 (9)

12 (10) ĐK 740

CK 60
680 ĐK 40
82,11 (5)
0,2 (7)

CK 122,31

Nợ TK1121 Có Nợ TK1122 Có Nợ TK131 Có
ĐK 740

CK 20
720 (1) ĐK 0
720 (1)

CK 40
672 (2)
8 (4) ĐK 0
680 (8)

CK 680

Nợ TK151 Có Nợ TK156 Có Nợ TK144 Có
ĐK 0
674,1 (3)
136,85 (5)
CK 0
810,95 (5) ĐK 120
8,05 (4)
810,95 (5)
0,5 (6)
4 (7)
CK: 343,5

600 (8) ĐK 0
672 (2)

CK 0
672 (3)

Nợ TK333 Có Nợ TK311 Có Nợ TK334 Có

136,85 (5)
82,11 (5)

ĐK 0
136,85 (5)
82,11 (5)
CK 0 ĐK 200

CK 200
8 (9)
12 (10) ĐK 0
8 (9)
12 (10)
CK 0

Nợ TK214 Có Nợ TK338 Có Nợ TK411 Có
ĐK 100
1 (9)
4 (10)
CK 105 ĐK 30

CK 30 ĐK 2100

CK 2100

Nợ TK421 Có

ĐK 70
57,15
CK 127,15

Tài khoản xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK632 Có Nợ TK911 Có Nợ TK511 Có
600 (8) 680 (8)

Nợ TK641 Có Nợ TK515 Có
8 (9)
1 (9) 2,1 (3)
0,05 (4)

Nợ TK642 Có
12 (10)
4 (10)

Σ Nợ 625 Σ Có 682,15
KC 57,15

Kết chuyển chi phí:

Nợ TK911 : 625
Có TK632 : 600
Có TK641 : 9
Có TK642 : 16 Kết chuyển DT :
Nợ TK511 : 680
Nợ TK515 : 2,15
Có TK911 : 682,15 Kết chuyển Lãi :
Nợ TK911 : 57,15
Có TK421 : 57,15

Bảng cân đối số phát sinh:

STT	Mã số TK	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh	Số dư cuối kỳ
	Nợ	Có	Nợ	Có
1	TK1111	400 0	243,66	156,34
2	TK1121	740 0	720 20	
3	TK1122	0 720	680 40	
4	TK131	0 680	0 680	
5	TK133	40 82,31	0 122,31	
6	TK144	0 672	672 0	
7	TK151	0 810,95	810,95 0	
8	TK156	120 823,5	600 343,5	
9	TK211	1200 0 0	1200	
10	TK214	100 0 5	105	
11	TK311	200 0 0	200	
12	TK333	0 218,96	218,96 0	
13	TK334	0 20 20	0	
14	TK338	30 0 0	30	
15	TK411	2100 0 0	2100	
16	TK421	70 0 57,15	127,15	
	Tổng số	2500 2500	4027,72 4027,72	2562,15 2562,15

Bài tập 2:

Công ty Xuất nhập khẩu X kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản.

Ngày 31/12/2007 có các số liệu sau:

TÀI SẢN 2950 NGUỒN VỐN 2950

TK1111

TK1121

TK156

TK131 300

800

450

80 TK331

TK3331

TK311 120

40

100

TK211

TK214

TK221 1250

(40)

110 TK411

TK421 2650

40

Trong kỳ kế toán phát sinh các nghiệp vụ kinh tế sau: Áp dụng thuế GTGT khấu trừ và tỷ giá ghi sổ FIFO

1. Chi tiền mặt tạm ứng cho cán bộ đi công tác là 10tr.
2. Mua một lô hàng trị giá 200tr + thuế GTGT 10% chưa trả tiền. Hàng mua đang đi đường.
3. Nhập kho lô hàng ở nghiệp vụ 2. Chi phí vận chuyển là 4tr + thuế GTGT 5%, thanh toán vào tiền tạm ứng.
4. Dùng tiền gửi ngân hàng mua ngoại tệ trị giá 10.000USD (tỷ giá giao dịch là 15950đ/USD).
5. Xuất kho lô hàng đem xuất khẩu với giá vốn là 550tr, giá bán là 40.000USD.
6. Hoàn thành thủ tục xuất khẩu và mang chứng từ xuất khẩu đến ngân hàng nhờ thu tiền. (tỷ giá giao dịch 16000).
7. Chi phí vận chuyển quốc tế + Bảo hiểm đã trả là 300USD bằng TGNH (tỷ giá giao dịch 15900).
8. Chi phí vận chuyển nội địa + các chi phí bán hàng khác đã trả 6tr + thuế GTGT 5% bằng 5tr tiền tạm ứng và số còn lại bằng tiền mặt.
9. Ngân hàng thông báo khách hàng trả tiền vào tài khoản ngân hàng (tỷ giá giao dịch là 15950)
10. Cán bộ hoàn tiền tạm ứng thừa vào quỹ tiền mặt.
11. Bán 20.000USD từ TK ngân hàng sang tiền VNĐ (tỷ giá giao dịch 16050).
12. Trả nợ cho người bán 220tr bằng TGNH
13. Chi phí trả lương cho bộ phận bán hàng là 8tr + trích chi phí

khấu hao bộ phận bán hàng là 1tr

14. Chi phí trả lương cho bộ phận quản lý là 12tr + trích chi phí khấu hao bộ phận quản lý là 4tr.

Yêu cầu: + Định khoản. + Ghi chép vào TK

+ Xác định kết quả kinh doanh

+ Lập bảng cân đối kế toán.

Bài chữa:

I. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

NV1: Chi tiền mặt tạm ứng cho cán bộ đi công tác là 10tr.

Nợ TK141: 10tr

Có TK111: 10tr

NV2: Mua một lô hàng trị giá 200tr + thuế GTGT 10% chưa trả tiền. Hàng mua đang đi đường.

Nợ TK151: 200tr

Nợ TK133: 20tr

Có TK331: 220tr

NV3: Nhập kho lô hàng ở nghiệp vụ 2. Chi phí vận chuyển là 4tr + thuế GTGT5%, thanh toán vào tiền tạm ứng.

Nợ TK1561: 200 tr

Có TK151: 200 tr

Nợ TK1562: 4tr

Nợ TK133: 0,2tr

Có TK141: 4,2tr

NV4: Dùng tiền gửi ngân hàng mua ngoại tệ trị giá 10.000USD (tỷ giá giao dịch là 15950đ/USD).

Nợ TK1122: $10.000 \times 15950 = 159,5tr$

Có TK1121: 159,5tr

(Nợ TK007: 10.000USD)

NV5: Xuất kho lô hàng đem xuất khẩu với giá vốn là 550tr, giá bán là 40.000USD.

Nợ TK157: 550tr

Có TK156: 550tr

NV6: Hoàn thành thủ tục xuất khẩu và mang chứng từ xuất khẩu đến ngân hàng nhờ thu tiền. (tỷ giá giao dịch 16000).

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK131: 40.000USD x 16.000

Có TK511: 640tr

Ghi nhận chi phí giá vốn:

Nợ TK632: 550tr

Có TK157: 550tr

NV7: Chi phí vận chuyển quốc tế + Bảo hiểm đã trả là 300USD bằng TGNH (tỷ giá giao dịch 15900).

Nợ TK6417: 300 x 15900 = 4,77

Nợ TK635: 0,015

Có TK1122: 300 x 15.950 = 4,785

(Có TK007: 300USD)

NV8: Chi phí vận chuyển nội địa + các chi phí bán hàng khác đã trả 6tr +thuế GTGT 5% bằng 5tr tiền tạm ứng và số còn lại bằng tiền mặt.

Nợ TK6417:6tr

Nợ TK133: 0,3tr

Có TK141: 5tr

Có TK1111: 1,3tr

NV9: Ngân hàng thông báo khách hàng trả tiền vào tài khoản ngân hàng (tỷ giá giao dịch là 15950)

Nợ TK1122: 40.000 x 15950 = 638tr

Nợ TK635: 40.000 x 50 = 2tr

Có TK131: 640

NV10; Cán bộ hoàn tiền tạm ứng thừa vào quỹ tiền mặt.

Nợ TK111: 0,8tr

Có TK141: 0,8tr

NV11: Bán 20.000USD từ TK ngân hàng sang tiền VNĐ (tỷ giá giao dịch 16050).

Bán 20.000 USD theo phương pháp FIFO: 9.700 x 15950 + 10.300

x 15.950 = 319tr

Nợ TK1121: 20.000 x 16050 = 321tr

Có TK1122: 319tr

Có TK515: 2tr

(Có TK007: 20.000USD)

NV12: Trả nợ cho người bán 220tr bằng TGNH

Nợ TK331: 220tr

Có TK1121: 220tr

NV13: Chi phí trả lương cho bộ phận bán hàng là 8tr + trích chi phí khấu hao bộ phận bán hàng là 1tr

Nợ TK6411: 8tr

Có TK334: 8tr

Nợ TK6414: 1tr

Có TK214: 1tr

NV14: Chi phí trả lương cho bộ phận quản lý là 12tr + trích chi phí khấu hao bộ phận quản lý là 4tr.

Nợ TK6421: 12tr

Có TK334: 12tr

Nợ TK6424: 4tr

Có TK214: 4tr

Nợ TK1111 Có Nợ TK1121 Có Nợ TK141 Có

ĐK 300

0,8 (10)

CK 289,5

10 (1)

1,3 (8) ĐK 800

321 (11)

CK 741,5

159,5 (4)

220 (12) ĐK 0

10 (1)

CK 0

4,2 (3)

5 (8)

0,8 (10)

Nợ TK151 Có Nợ TK156 Có Nợ TK133 Có

ĐK 0

200 (2)

CK 0

200 (3) ĐK 450

200 (3)

4 (3)

CK: 104

550 (5) ĐK 0

20 (2)

0,2 (3)

0,3 (8)

CK 0

20,5

Nợ TK1122 Có Nợ TK157 Có Nợ TK131 Có

ĐK 0

159,5 (4)

638 (9)

CK473,715

4,785 (7)

319 (11) ĐK 0

550 (5)

CK: 0
550 (6) ĐK 80
640 (6)
CK 80
640 (9)

Nợ TK331 Có Nợ TK214 Có Nợ TK334 Có

220 (12)
ĐK 120
220 (2)
CK 120 ĐK 40
1 (13)
4 (14)
CK 45
ĐK 0
8 (13)
12 (14)
CK 20

Nợ TK3331 Có Nợ TK411 Có Nợ TK421 Có

20,5
ĐK 40

CK 19,5 ĐK 2650

CK 2650
ĐK 40
54,215
CK 94,215

Tài khoản lập Báo cáo kết quả kinh doanh:

Nợ TK632 Có Nợ TK911 Có Nợ TK511 Có
550 (6) 640 (6)

Nợ TK641 Có Nợ TK515 Có
4,77 (7)
6 (8)
8 (13)
1 (14) 2 (11)

Nợ TK642 Có
12 (13)
4 (14)

Nợ TK635 Có
0,015 (7)
2 (9)
 Σ Nợ 587,785 Σ Có 642
KC 54,215

Kết chuyển chi phí:

Nợ TK911: 587,785

Có TK632: 550

Có TK641: 19,77

Có TK642: 16

Có TK635: 2,015 Kết chuyển doanh thu:

Nợ TK511: 640

Nợ TK515: 2

Có TK911: 642 Kết chuyển lãi:

Nợ TK911: 54,215

Có TK421: 54,215

Xác định thuế GTGT:

Nợ TK3331: 20,5

Có TK133: 20,5

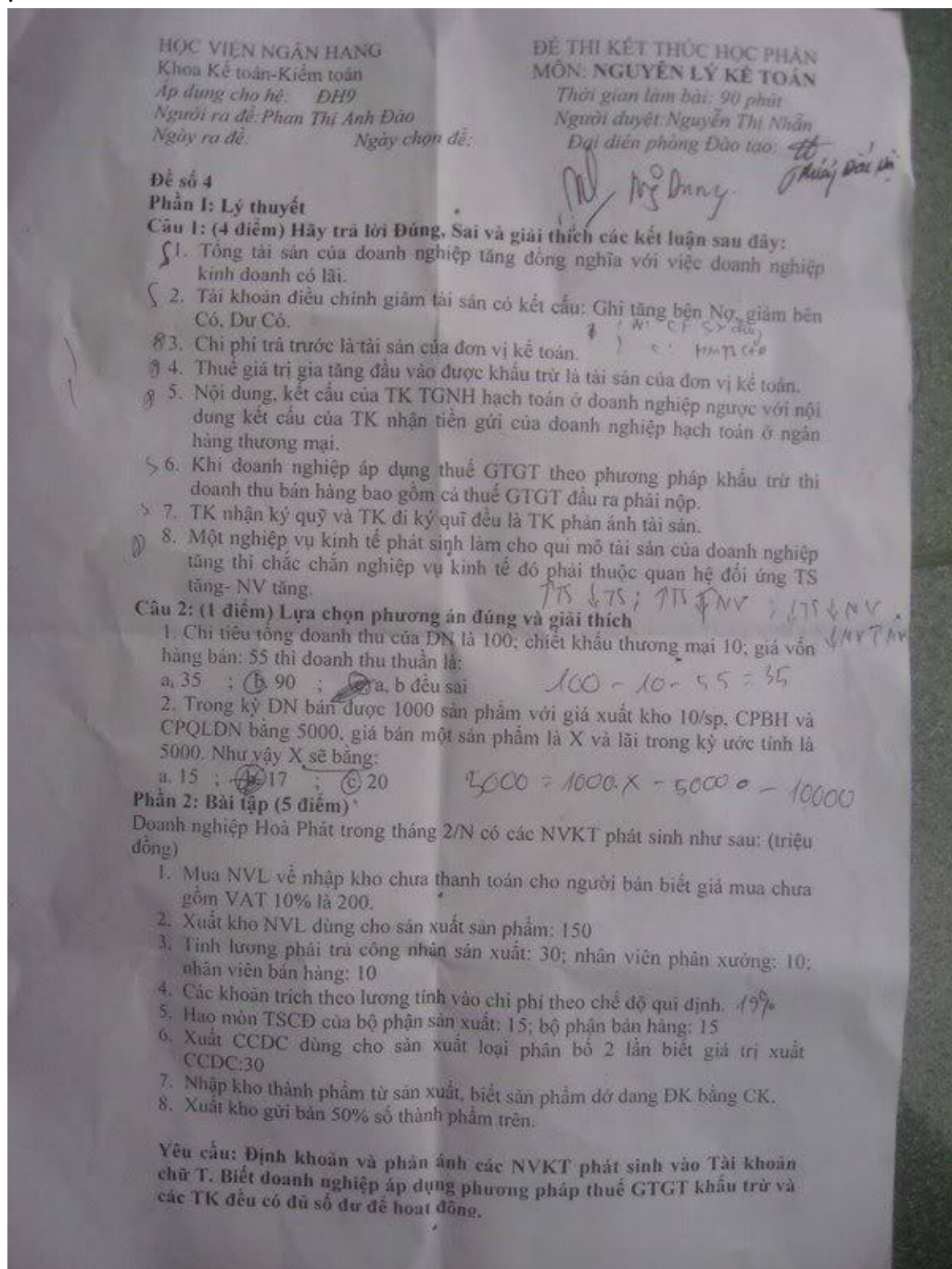
Bảng cân đối số phát sinh:

STT	Mã số TK	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh	Số dư cuối kỳ	
Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	TK1111	300 0,8	11,3	289,5	
2	TK1121	800 321	379,5	741,5	
3	TK1122	0 797,5	323,785	473,715	
4	TK131	80 640	640	80	
5	TK133	0 20,5	20,5	0	
6	TK141	0 10	10	0	
7	TK151	0 200	200	0	
8	TK156	450 204	550	104	
9	TK157	0 550	550	0	
10	TK211	1250 0	0	1250	
11	TK221	110 0	0	110	
12	TK214	40 0	5	45	
13	TK311	100 0	0	100	
14	TK331	120 220	220	120	
15	TK333	40 20,5	0	19,5	
16	TK334	0 0	20	20	
17	TK411	2650 0	0	2650	
18	TK421	40 0	54,215	94,215	
Tổng số		2990 2990	2984,3	2984,3	3048,715 3048,715

câu "người mua trả tiền trước" dựa vào số dư có của 3387 đúng or sai thế? giải thích thế nào

Sai, người mua trả tiền trước dựa vào số dư có của TK 131

Số dư có của TK 3387 không phản ánh việc thanh toán với khách hàng trong việc mua bán hàng hóa thông thường, phản ánh về việc cho thuê tài sản, BĐS đầu tư, trả chậm, trả góp....

**Phần 2**

1.N:152:200

N:133:20

C:331:220

2.N:621:150

C:152:150

3.N:622:30

N:627:10

N:641:10

C:334:50

4.N:622:30*19%=5.7

N:627:10*19%=1.9

N:641:10*19%=1.9

C:338:9.5

5.N:627:15

N:641:15

C:214:30

6a.N:142:30

C:153:30

6b.N:627:15

C:142:15

7a.N:154:150

C:621:150

7b.N:154:35.7

C:622:35.7

7c.N:154:41.9

C:627:41.9

do 154 ĐK=CK nên:

7d.N:155:227.6

C:154:227.6

8.N:157:113.8

C:155:113.8

Phần 1

Câu 1: S, S, Đ, Đ, Đ, S, S, Đ

Câu 2:

1b

doanh thu thuần = tổng doanh thu - các khoản làm giảm trừ doanh

thu(chiết khấu thương mại)=100-10=90

2c.

tổng doanh thu(giá bán 1000 sp)=giá vốn+chi

phí+lãi=10*1000+5000+5000=20000

giá bán 1 sp=20000/1000=20

góp ý bài 1b chút xíu

doanh thu thuần = doanh thu bán hàng - các khoản giảm trừ doanh thu

đầu bài cho tổng doanh thu chứ đâu phải doanh thu bán hàng =>

không tìm đc doanh thu thuần

đáp án c mới đúng chứ

Câu 1: Nhận định đúng sai và giải thích ngắn gọn

1. Định khoản kế toán là yếu tố bắt buộc phải có trên chứng từ kế toán

2. Những Tk có thể dư NỢ hoặc dư Có là Tk hỗn hợp

3 Thuế GTGT phải trả trong khi mua hàng hóa vật tư đc tính vào giá gốc TS mua về

4 Phương pháp sửa đổi kế toán ghi số âm chỉ đc áp dụng khi ghi sai quan hệ đối ứng TK

5 Bảng cân đối kế toán luôn luôn cân bằng

6 Trong trường hợp giá bán của vật liệu mua ngoài về nhập kho có xu hướng giảm pp tính giá nhập trước xuất trước cho lợi nhuận báo cáo tài chính lớn nhất

Câu 2: Thẻ công VIỆTL là 1 đội bóng chuyên nghiệp, lập báo cáo tài chính theo tháng. Mùa bóng bắt đầu từ tháng 7 nhưng trong tháng 6 CLB đã kí kết cá giao dịch

a/ Thanh toán trước 120 tr tiền thuê sân cho ban quản lí sân vận động cho tháng 6 từ 01/07 đến 31/12. Khoản thanh toán này đc ghi nhận vào chi phí trả trước

b/ Thu 500tr bằng tiền mặt từ việc bán vé cho các trận đấu của đội của sân nhà. Toàn bộ số tiền này đc ghi nhận DOANH THU bán

vé chưa thực hiện. Trong tháng 7 CLB đã đá 1 số trận tại sân nhà và vé xem các trận này dc bán trong 6 tháng với số tiền 87 tr
Hãy cho biết các bút toán điều chỉnh mà CLB cần thực hiện vào ngày 31-07

Câu 3

Tại 1 DN có các nghiệp vụ

1 xuất kho CCDC loại phân bón 4 lần trị giá xuất kho 8000. Biết CCDC này dùng cho bộ phận bán hàng

2 xuất kho hàng hóa bán cho KH theo giá xuất kho 120 000, giá bán đã bao gồm thuế GTGT 10% là 176 000. KH thanh toán 50% bằng tiền mặt, còn lại chưa thanh toán

3 Chi phí vận chuyển lô hàng trên đem bán 2000 chưa gồm thuế GTGT 10% đã thanh toán bằng tiền mặt

4 Tính tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng 5000 nhân viên QLDN 7000

5 Trích khấu hao TSCD dùng cho bộ phận bán hàng 3500 bộ phận QLDN 5000

6 Tiền điện nước phải trả theo giá chưa có thuế dùng cho bộ phận bán hàng 500 cho bộ phận QLDN 1000 biết thuế suất thuế GTGT 10%

7 Kết chuyển thu chi lãi lỗ cuối kì của DN

Yêu cầu định khoản các nghiệp vụ trên và phản ánh cả tài khoản có liên quan

Cho biết các TK có đủ số dư để hoạt động

DN tính thuế theo pp khấu trừ

Câu 2

a) định khoản

N: Tk CF trả trước: 120tr

C: TK tiền mặt: 120tr

bút toán điều chỉnh cuối tháng

N: Tk Chi phí: 20tr

C: TK chí phí trả trước 20tr

b) định khoản

N:TK tiền mặt: 500tr

C tk doanh thu chưa thực hiện: 500tr

bút toán điều chỉnh:

N: TK doanh thu chưa thực hiện 87tr

C: Tk DT bán hàng 87tr

Câu 3:

1, Nợ 142 8000

Có 153 8000

Phân bổ trong kì:

Nợ 641 2000

Có 142 2000

2a, Nợ 642 120.000

Có 156 120.000

2b, Nợ 111 88.000

Nợ 131 88.000

Có 511 160.000

Có 3331 16.000

3, Nợ 641 2000

Nợ 133 200

Có 111 2200

4, Nợ 641 3500

Nợ 642 5000

Có 334 8500

5, Nợ 641 500

Nợ 642 1000

Nợ 133 150

Có 338 1650

1)Doanh nghiệp nhận ứng trước tiền hàng của khách hàng thì ghi nhận tài khoản 3387 hay là 131 ?

2) Trong sách (quyển pho to màu vàng -tr 75) nó ghi tài khoản 214 có số dư bên có là sao nhỉ ?

3) Chi phí tiền điện , nước , điện thoại thì tính vào tài khoản 627 hay 811?

1) Doanh nghiệp nhận ứng trước tiền hàng của khách hàng thì ghi nhận tài khoản 3387. cái 131 là phải thu của khách hàng mà

2) 214 hao mòn TS cố định, đây là TK dùng để ghi âm vào TS, TK này k có số dư nợ, đến cuối tháng thì sẽ được ghi nợ vào tk chi phí (6234 hoặc 6274 tùy trường hợp) và có vào TK 214

3) chi phí điện nc : nếu là DN sx dùng điện nc như là nguồn nguyên liệu tạo ra sp thì cho vào 627

nếu DN thương mại (kế toán mình học là kế toán thương mại) thì cho vào 642

1) Ở chủ đề 4 trở về trước thì là 3387 nhưng từ chủ đề 5 thì phải là 131 vì 131 là tài khoản **thanh toán với khách hàng**, nó là tk lưỡng tính mà!

3) theo TCH thì tiền điện nc thuộc chi phí dịch vụ mua ngoài thế tức là 6277 hoặc 6427 còn tiền DT thì là chi phí gián tiếp thuộc CP sản xuất sp.

nếu chi phục vụ việc sx thì ghi ở 627

nếu chi phục vụ tại các cửa hàng thì hạch toán ở 641

nếu chi phục vụ ở các văn phòng công ti thì ghi ở 642

